TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **01** /2024/KDTM-ST
Ngày: 08/3/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Đức

Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05/02/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST- KDTM ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V (V)**

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

(Theo quyết định về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Đỗ Thành T** – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý – Ngân hàng TMCP V.

(Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của ngân hàng V (V)).

- *Đại diện theo ủy quyền lại:* Ông **Phạm Đức C** – Chuyên viên XLN KHDN MN và ông **Ma Khắc K** – Trưởng bộ phận XLN KHDN MN

Cùng địa chỉ: Tầng A tòa nhà A, số I C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 268/2023/UQ-PGĐ ngày 31/5/2023 của Ngân hàng V (V1)).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH một thành viên S.**

Địa chỉ: Lô F, F4 KCN D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Anh T1**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1983

Nơi thường trú: P420, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số B V, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 28/8/2023 của Công ty TNHH một thành viên S).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Dương Anh T1**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1983

Nơi thường trú: P420, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số B V, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 21/9/2023 của ông Dương Anh T1)

(Ông C có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Đức C trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên S đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh B theo Hợp đồng cho vay số: BEN/22031 ngày 22/04/2022. Nội dung cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Số BEN/22031-02 Ngày 21/9/2022	1.679.040.000	6 tháng	Lãi suất 16.2%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	21/9/2022	21/3/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc
Số 241022-5893913 ONL-9 ngày 24/10/2022	2.000.000.000	6 tháng	Lãi suất 17.8%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	24/10/2022	24/4/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc

Số 251022-5893913 ONL-10 ngày 25/10/2022	1.000.000.000	6 tháng	Lãi suất 17.8%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	25/10/2022	24/4/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc
Tổng cộng	**4.679.040.000đ (bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).**					

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã thống nhất ký Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/22031/HDBL ngày 22/04/2022, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông Dương Anh T1. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH MTV S không thực hiện biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V2 đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu Công ty TNHH MTV S thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Công ty TNHH MTV S đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Cụ thể số tiền gốc và lãi Công ty TNHH Một thành viên S đã trả cho V theo các hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 08/3/2024 như sau:

Khế ước nhận nợ	Mã hợp đồng	Trả gốc (đồng)	Trả lãi (đồng)
Số BEN/22031-02	LD2226401906	240.004.743	63.656.554
Số 241022-5893913 ONL-9	LD2229702509	60.000.000	46.754.150
Số 251022-5893913 ONL-10	LD2229800474	-	22.945.292
Tổng cộng		300.004.743	133.355.996

Tạm tính đến ngày 08/3/2024, Công ty TNHH MTV S còn nợ các khoản sau tại V: Tiền gốc: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Nay Ngân hàng V yêu cầu:

1. Buộc Công ty TNHH một thành viên S có trách nhiệm phải trả cho V số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 08/3/2024 là: Tiền gốc: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

2. Kể từ ngày 09/3/2024 Công ty TNHH Một thành viên S phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho V

3. Trường hợp Công ty TNHH một thành viên S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì ông Dương Anh T1 có trách nhiệm phải trả thay theo Hợp đồng bảo lãnh số BEN/22031/HĐBL ngày 22/4/2022 đã ký với V2.

Nay công ty TNHH S xin giảm 1 phần lãi suất và xin cho trả dần số nợ trên Ngân hàng không đồng ý.

Theo các bản tự khai đại diện theo ủy quyền bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Công Ty S có vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi của ngân hàng TMCP V (V) số tiền vay như sau:

Khế ước nhận nợ	Ngày nhận nợ	Ngày tới hạn	Dư nợ ban đầu	Lãi suất theo khế ước
Số BEN/22031-02 Ngày 21/9/2022	21/9/2022	21/3/2023	1.679.040.000	16.2%
Số 241022-5893913 ONL-9	24/10/2022	24/4/2023	2.000.000.000	17.8%
Số 251022-5893913 ONL-10	25/10/2022	25/4/2023	1.000.000.000	17.8%
Tổng cộng			4.679.040.000	

Khoản vay trên là khoản vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Nguyên nhân dẫn đến việc Công Ty TNHH MTV S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là do tình hình kinh tế năm 2021-2022 đã ảnh hưởng rất lớn đến công ty chúng tôi, không còn đủ tài chính để kinh doanh, nguyên nhân bởi ảnh hưởng của dịch bệnh suy thoái kinh tế, Chuỗi hệ thống chăn nuôi cùng thành viên do Ông Dương Anh T1 điều hành đã bị thua lỗ thiệt hại và dừng sản xuất, toàn bộ tài sản tích góp gầy dựng hơn 25 năm đã mất trắng.

Một phần nhỏ khách hàng của công ty là những công ty chăn nuôi, hộ chăn nuôi, với giá cả ngành chăn nuôi lao dốc, dẫn đến mất khả năng thanh toán và thu hồi nợ.

Vì ngành nghề là chăn nuôi, là con vật sống chính vì vậy sức hủy diệt do thiếu tài chính là không thể khống chế, thiếu cám thiếu thuốc, đàn gà với trị giá hàng trăm tỷ đồng mất sạch trong 5 ngày, sự thiệt hại và hệ lụy kéo dài.

Máy móc thiết bị nhà xưởng công ty cũng đã thanh lý và trả cho Ngân hàng tài trợ, toàn bộ tài sản cá nhân của ông Dương Anh T1 thế chấp cho ngân hàng đã bị ngân hàng phong tỏa và chuyển qua xử lý nợ. Do suy thoái kinh tế nên giá trị bất động sản không dễ thanh lý trong thời gian này.

Công ty S không còn sản xuất kinh doanh, chính vì thế từ ngày 10/12/2022 Công Ty S đã không thực hiện được nghĩa vụ lãi đối với Ngân hàng V.

Từ ngày 30/05/2023-21/08/2023 Công Ty có thanh toán nợ gốc là 120.003.576 đồng.

Cụ thể số tiền gốc lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính tới ngày 28/08/2023 theo lãi suất đã ký theo khế ước như sau:

Dư nợ tính lãi	Ngày bắt đầu tính lãi	Ngày chốt lãi quá hạn	Trả gốc	Dự nợ hiện tại	Thời gian	Lãi suất	Số lãi
1.679.040.000	10/12/2022	21/3/2023			102	16.20%	76,012,21
1.679.040.000	22/3/2023	30/5/2023	**30,003,576**		70	16.20%	52,165,243
1.649.036.424	31/5/2023	12/6/2023	**30,000,000**		13	16.20%	9,514,714
1.619.036.424	13/6/2023	12/7/2023	**30,003,576**		30	16.20%	21,557,581
1.589.036.424	13/7/2023	21/8/2023	**30,003,576**		40	16.20%	28,210,838
1.559.036.424	22/8/2023	28/8/2023	0	**1,559,036,424**	7	16.20%	4,843,691
2.000.000.000	10/12/2022	28/8/2023	0	**2,000,000,000**		17.8%	255,539,726
1.000.000.000	10/12/2022	28/8/2023	0	**1,000,000,000**		17.8%	127,769,863
4.559.036.424			**120,003,576**	**4,559,036,424**			**575,613,867**

Nợ Gốc: 4.559.036.424 đồng

Nợ Lãi : 575.613.867 đồng

Nợ phạt chậm lãi : đề nghị không tính

Tổng cộng : 5.134.650.291 đồng

Hiện tại tình hình tài chính quá khó khăn, công ty chúng tôi cần có thời gian sắp xếp tháo gỡ dần công nợ đối với tất cả Ngân Hàng và các nhà cung cấp mà công ty đang có công nợ, mong Ngân hàng V đồng hành chia sẻ và cảm thông sự khó khăn này.

Hỗ trợ cho Công Ty S được trả dần công nợ gốc hàng tháng 30.000.000 đồng và không tính thêm bất kỳ khoản lãi phạt trả chậm, thật tình chúng tôi không còn khả năng thanh toán.

Chúng tôi cần thời gian chờ nên kinh tế phục hồi, tài sản bất động sản mới có giá trị, khi thanh lý được bất động sản chúng tôi sẽ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng V, cũng như tìm cơ hội kinh doanh tạo ra lợi nhuận để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng về cơ bản thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, về thẩm quyền thụ lý vụ án, về thời hiệu khởi kiện, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nhân dân đúng thời hạn theo quy định.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đảm bảo sự vô tư, khách quan giải quyết vụ án, không có trường hợp thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa sơ thẩm.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V). Buộc Công ty TNHH MTV S có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã vay của Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 08/03/2024 là: Tiền gốc phải trả: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

* Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH MTV S có đăng ký kinh doanh, mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có trụ sở tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của Nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét hợp đồng tín dụng:

Công ty TNHH một thành viên S đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh B theo Hợp đồng cho vay số: BEN/22031 ngày 22/04/2022. Nội dung cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Số BEN/22031-02 Ngày 21/9/2022	1.679.040.000	6 tháng	Lãi suất 16.2%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	21/9/2022	21/3/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc
Số 241022-5893913 ONL-9 ngày 24/10/2022	2.000.000.000	6 tháng	Lãi suất 17.8%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	24/10/2022	24/4/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc
Số 251022-5893913 ONL-10 ngày 25/10/2022	1.000.000.000	6 tháng	Lãi suất 17.8%/năm Điều chỉnh 1 tháng/1 lần	25/10/2022	24/4/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc
Tổng cộng	**4.679.040.000đ (bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).**					

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã thống nhất ký Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/22031/HDBL ngày 22/04/2022, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông Dương Anh T1. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH MTV S không thực hiện biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Hợp đồng tín dụng cho vay số: BEN/22031 ngày 22/04/2022, mục đích bổ sung vốn lưu động, có người bảo lãnh thời hạn cho vay thời hạn bảo lãnh với lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo lãnh; với

lãi suất quy định trong từng hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Về tiền lãi trả không đúng hạn, khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi 150%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gia chậm trả và điều kiện cấp tín dụng, giấy đề nghị vay vốn giữa Ngân hàng và Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập bằng văn bản có chữ ký hợp pháp của ông Dương Anh T1 và có đóng dấu của Công ty có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, 98 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu Công ty TNHH MTV S thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Công ty TNHH MTV S đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình buộc Công ty TNHH S và ông Dương Anh T1 có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã vay của Ngân hàng, Tổng cộng yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến 08/3/2024 là: Tiền gốc: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Ông Dương Anh T1 là người đứng ra bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV S hiện nay Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc ông Dương Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V) nếu công ty trả không hết số nợ trên.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc Công ty TNHH MTV S và ông Dương Anh T1 có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã vay của Ngân hàng. Tổng cộng yêu cầu Công ty TNHH MTV S thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 08/3/2024 là: Tiền gốc: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

[2.2] ***Xét yêu cầu của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan:***

Xét yêu cầu của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan : Đại diên theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu của ngân hàng tạm tính đến ngày 28/8/2023 Công ty còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền Tiền gốc phải trả: Nợ gốc: 4.559.036.424 đồng; nợ lãi: 575.613.867 đồng; nợ phạt chậm lãi: đề nghị không tính. **Tổng cộng: 5.134.650.291 đồng**

Hiện tại tình hình tài chính quá khó khăn, công ty chúng tôi cần có thời gian sắp xếp tháo gỡ dần công nợ đối với tất cả Ngân hàng và các nhà cung cấp

mà công ty đang có công nợ, mong Ngân hàng V đồng hành chia sẻ và cảm thông sự khó khăn này.

Hỗ trợ cho Công Ty S được trả dần công nợ gốc hàng tháng 30.000.000 đồng và không tính thêm bất kỳ khoản lãi phạt trả chậm, thật tình chúng tôi không còn khả năng thanh toán.

Chúng tôi cần thời gian chờ nên kinh tế phục hồi, tài sản bất động sản mới có giá trị , khi thanh lý được bất động sản chúng tôi sẽ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng V, cũng như tìm cơ hội kinh doanh tạo ra lợi nhuận để trả nợ .

Xét yêu cầu của Công ty TNHH S là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty TNHH S chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nhận định của viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 91, 92, 97, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V). Buộc Công ty TNHH MTV S có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã vay của Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 08/03/2024 là: Tiền gốc phải trả: 4.379.035.257 đồng; lãi phải trả: 1.549.012.123 đồng; Lãi chậm trả: 8.758.037 đồng; Tổng cộng gốc + lãi + lãi chậm trả: 5.936.805.417đ (năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

2. Kể từ ngày 09/3/2024 Công ty TNHH Một thành viên S phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 09/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung; hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Nghĩa vụ của người bảo lãnh của ông Dương Anh T1:

Công ty TNHH MTV S có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ ngân hàng, trong mọi trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Dương Anh T1 có trách nhiện trả toàn bộ số nợ đã vay của Ngân hàng TMCP V (V) theo hợp đồng bảo lãnh số: BEN/22031/HDBL ngày 22/04/2022.

4. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH MTV S chịu số tiền án phí 113.936.805,4đ (một trăm mười ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm lẻ năm phẩy bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tuyên trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.628.000đ (năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009498 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND H.Thống Nhất;*
- *Chi cục THADS H.Thống Nhất;*
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành